

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN VÕ NHAİ – TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngày *25* tháng *12* năm 2024 Ngày *1.6* tháng *12* năm 2024

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Huy



UBND HUYỆN VÕ NHAİ

[Signature]
PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Thị Huệ

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết.....	1
2. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất	1
2.1. Các văn bản pháp quy.....	1
2.2. Các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và tỉnh có liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai.....	2
2.3. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu lập kế hoạch.....	2
3. Mục đích, yêu cầu của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	3
3.1. Mục đích	3
3.2. Yêu cầu.....	3
4. Bố cục của báo cáo tổng hợp.....	3
I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	4
1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.....	4
1.1. Điều kiện tự nhiên	4
1.2. Thực trạng môi trường.....	7
2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	8
2.1. Về kinh tế.....	8
2.2. Về các vấn đề xã hội.....	11
3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội	14
3.1. Những thuận lợi	14
3.2. Những khó khăn và thách thức.....	14
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	15
1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	15
2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	17
2.1. Kết quả đạt được.....	17
2.2. Những tồn tại	17
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	18
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.....	19
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	20
1. Các biện pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	21
2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất	21
2.1. Giải pháp về tuyên truyền.....	21
2.2. Giải pháp về cơ chế chính sách	21
2.3. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư.....	22
2.4. Giải pháp về kỹ thuật.....	23
2.5. Giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn huyện	23

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	25
1. Kết luận.....	25
2. Kiến nghị.....	25

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Thông tư
QĐ	Quyết định
NĐ	Nghị định
BC	Báo cáo
CP	Chính phủ
STNMT	Sở Tài nguyên và Môi Trường
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
TTg	Thủ tướng
TCQLĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai
UBND	Ủy ban nhân dân
THCS	Trung học cơ sở
TDTT	Thể dục, thể thao
BVTV	Bảo vệ thực vật

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Đối với kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được quy định tại Điều 67, Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 80, Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Căn cứ, điều kiện thu hồi đất vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “Dự án có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Để đảm bảo đầy đủ căn cứ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất, kịp thời phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương năm 2025; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đã có Công văn về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

Thực hiện các quy định của Hiến pháp, của Luật đất đai và các văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên về lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm; Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai xây dựng lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai”**.

2. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất

2.1. Các văn bản pháp quy

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.2. Các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và tỉnh có liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai

- Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021 - 2030;

- Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Võ Nhai; Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 02/04/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Võ Nhai; Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, hủy bỏ, chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Võ Nhai.

2.3. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu lập kế hoạch

- Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021 - 2030;

- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Võ Nhai;

- Đề án, kế hoạch phát triển các ngành: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi...

- Hồ sơ quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã thuộc huyện Võ Nhai;

- Hồ sơ kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất đai năm 2020, 2021, 2022, 2023 của các cấp huyện Võ Nhai;

- Báo cáo tổng kết của UBND huyện, các ngành trên địa bàn huyện Võ Nhai năm 2024.

- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của các Sở, Ban, Ngành có liên quan và UBND cấp huyện; các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan;

- Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

3. Mục đích, yêu cầu của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

3.1. Mục đích

- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là căn cứ theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 để Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình và giải quyết hồ sơ đất đai cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng pháp luật, có hiệu quả, từng bước ổn định công tác quản lý đất đai, bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác, sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

3.2. Yêu cầu

Rà soát đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai đã được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đánh giá, nghiên cứu, bổ sung, xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của huyện.

Lập kế hoạch sử dụng đất lồng ghép với vấn đề biến đổi khí hậu nhằm đưa ra phương án sử dụng đất phù hợp với các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát, thống kê những khu vực dân cư có nguy cơ bị sạt lở đất, lũ quét để kịp thời bố trí đầy đủ quỹ đất thực hiện các dự án di dân, tái định cư, ổn định dân cư, hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn huyện.

4. Bố cục của báo cáo tổng hợp

Ngoài phần đặt vấn đề, kết luận - kiến nghị, báo cáo thuyết minh tổng hợp bao gồm các nội dung chính như sau:

- I. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- III. Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.
- IV. Giải pháp thực hiện.

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Võ Nhai là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên, thuộc vùng đặc biệt khó khăn nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh dọc theo Quốc lộ 1B, nằm trong tọa độ địa lý từ 21⁰36' đến 21⁰56' vĩ độ Bắc và 105⁰45' đến 106⁰17' kinh độ Đông, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Nà Rì (tỉnh Bắc Kạn).
- Phía Đông giáp huyện Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn).
- Phía Nam giáp huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang).
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Đồng Hỷ (tỉnh Thái Nguyên).

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Điểm nổi bật của địa hình huyện Võ Nhai là núi cao, dãy Ngân Sơn chạy từ Bắc Kạn theo hướng Đông Bắc - Tây Nam và dãy Bắc Sơn chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, vì vậy huyện có địa hình khá phức tạp, đồi núi là chủ yếu, đất sản xuất nông nghiệp tương đối ít.

Độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 100 - 800 m, đất nông nghiệp phân bố ở độ cao 100 - 450 m. Huyện được chia ra làm 3 tiểu vùng như sau:

- Tiểu vùng 1: Bao gồm các xã và thị trấn dọc Quốc lộ 1B, đó là thị trấn Đình Cả và các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng. Đặc điểm vùng này có hệ thống giao thông, thủy lợi rất thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, phát triển du lịch - sinh thái.

- Tiểu vùng 2: Gồm 5 xã phía Nam: Tràng Xá, Liên Minh, Phương Giao, Dân Tiến, Bình Long. Đây là vùng có địa hình đồi núi bát úp, bị chia cắt bởi nhiều khe, suối, sông và xen kẽ núi đá vôi có các bãi soi bằng phẳng phù hợp phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp và phát triển đại gia súc.

- Tiểu vùng 3: Bao gồm các xã Nghinh Tường, Sáng Mộc, Thượng Nung, Vũ Chấn, Thần Sa và Cúc Đường. Đặc điểm của vùng này là đất rộng, nhiều đồi núi, khe suối rất thuận lợi cho việc chăn nuôi đại gia súc và phát triển lâm nghiệp, du lịch sinh thái.

1.1.3. Khí hậu

Khí hậu huyện Võ Nhai mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Bắc

Bộ chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

Nằm trong vùng lạnh của tỉnh Thái Nguyên, phía Đông Bắc thuộc vùng lạnh nhất của tỉnh, phía Tây Nam ở mức trung bình. Nhiệt độ trung bình trên 22,4⁰C. Tháng có nhiệt độ cao nhất trong năm tập trung vào tháng 6, 7, 8. Trong đó, tháng nóng nhất là tháng 7 có nhiệt độ trung 27,8⁰C.

Lượng mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa bình quân năm ở mức 1.941,5 mm, thấp hơn so với các vùng khác của tỉnh Thái Nguyên (2.050 - 2.500 mm) và phân bố không đều, lượng mưa tập trung chủ yếu vào các tháng mùa mưa với lượng 1.765 mm, chiếm 91% lượng mưa cả năm.

Độ ẩm bình quân hàng năm trên địa bàn huyện dao động 80 - 87%. Các tháng mùa khô, nhất là các tháng cuối năm (tháng 11 và 12) độ ẩm thấp gây khó khăn cho việc phát triển cây vụ đông muộn, nhưng cũng tạo điều kiện cho việc thu hoạch và bảo quản nông sản trong thời kỳ này.

Lượng bốc hơi hàng năm trên địa bàn huyện khoảng 985 mm, tháng 1 có lượng bốc hơi lớn nhất tới 100 mm. Các tháng mùa khô có lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa nhiều, chỉ số ẩm ướt < 0,5 nên dẫn đến tình trạng khô hạn gay gắt, nếu không có biện pháp tưới nước giữ ẩm hợp lý sẽ ảnh hưởng nhiều đến sinh trưởng và năng suất các loại cây trồng.

1.1.4. Thủy văn

Hiện nay trên địa bàn huyện có hai hệ thống sông nhánh trực thuộc hệ thống sông Cầu và sông Thương, được phân bố ở hai vùng phía Nam và Bắc huyện cung cấp hầu hết nước tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hai vùng này:

- Sông Nghinh Tường là sông lớn nhất chảy qua phía Bắc huyện, là nhánh của sông Cầu, bắt nguồn từ dãy vòng cung Bắc Sơn (Thái Nguyên), chạy qua các xã Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Thần Sa và đổ vào sông Cầu.

- Sông Rong: Chảy qua phía Nam của huyện, là nhánh của sông Thương bắt nguồn từ xã Phú Thượng chạy qua thị trấn Đình Cả, Tràng Xá, Dân Tiến, Bình Long và chảy vào tỉnh Bắc Giang.

1.1.4. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Kết quả tổng hợp từ bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/50.000 của huyện do Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp xây dựng, toàn huyện có 4 nhóm đất chính (đất phù sa, đất xám bạc màu, đất đen và đất đỏ) cho thấy huyện có một số loại

đất chính sau:

- Đất phù sa: chiếm 2,16% diện tích tự nhiên của toàn huyện.
- Đất đen: chiếm 1,11% diện tích tự nhiên.
- Đất xám bạc màu: chiếm 76,08% diện tích tự nhiên, phân bố ở các thung lũng trên địa bàn tất cả các xã trong huyện.
- Đất đỏ: chiếm 4,49% diện tích tự nhiên.
- Các loại đất khác: chiếm 16,16% diện tích tự nhiên.

Các đơn vị đất chính (đất phù sa chua, đất đen cacbonat, đất xám Clay, đất xám Feralit, đất nâu đỏ) và được chia thành 20 đơn vị đất phụ.

b. Tài nguyên nước

Trong huyện có hai hệ thống nhánh sông thuộc hệ thống sông Cầu và sông Thương, đó là hệ thống sông Nghinh Tường và hệ thống sông Rong. Do đó nguồn nước mặt tương đối phong phú, song sự phân bố lại không đều.

Nguồn nước ngầm cũng tương đối phong phú, chất lượng nước nói chung tốt, đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong huyện.

Ngoài ra còn rất nhiều hang động trong núi đá vôi cũng tạo ra nguồn nước sử dụng và tạo ra cảnh quan du lịch.

c. Tài nguyên rừng

Diện tích rừng của huyện Võ Nhai chiếm gần 80% diện tích tự nhiên của huyện, bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Diện tích rừng được phân bố ở hầu hết các xã và thị trấn trong huyện, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giữ nước đầu nguồn, hạn chế quá trình xói mòn, xói mòn của đất, duy trì cảnh quan và bảo vệ môi trường.

d. Tài nguyên khoáng sản

Tiềm năng khoáng sản, Võ Nhai có các loại sau:

- Kim loại màu: Gồm chì, kẽm tìm thấy ở xã Thần Sa, Cúc Đường,... song quy mô trữ lượng nhỏ không tập trung. Vàng sa khoáng có ở xã Thần Sa, xã Sảng Mộc, xã Liên Minh nhưng hàm lượng thấp, quản lý khai thác khó khăn.

- Nhóm khoáng sản có trữ lượng lớn nhất kể đến là đá Cacbonnat bao gồm đá vôi xây dựng, đá vôi xi măng, đolômit trữ lượng khoảng 200 triệu tấn.

- Mỏ phốt pho ở xã La Hiên trữ lượng khá, khoảng 60.000 tấn.

- Khoáng sản vật liệu xây dựng như: Đá xây dựng, cát, sỏi, sét xi măng ở xã La Hiên, Cúc Đường, Lâu Thượng có trữ lượng lớn, chất lượng tốt.

Nhìn chung tài nguyên khoáng sản của huyện Võ Nhai đa dạng về chủng loại trong đó có nhiều loại quan trọng, điều này tạo cho Võ Nhai có lợi thế so sánh lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp luyện kim, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng,...

e. Tài nguyên nhân văn

Là huyện miền núi vùng cao nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Thái Nguyên, Võ Nhai có 8 dân tộc anh em sinh sống.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều địa danh trên địa bàn huyện đã đi vào lịch sử cách mạng: La Hiên nằm trên tuyến đường 1B là nơi ghi dấu ấn của sự ra đời đội Cứu quốc quân II, đội quân đã từ khu Khuôn Mánh thuộc xã Tràng Xá qua Đình Cả đến La Hiên và về Thái Nguyên còn để lại nhiều dấu ấn lịch sử.

f. Tài nguyên du lịch thiên nhiên

Võ Nhai với những dãy núi đá vôi xen lẫn đồi núi trùng trùng điệp điệp, nằm cách không xa thủ đô Hà Nội và cách thành phố Thái Nguyên 37 km. Hệ thống đường giao thông đi qua nhiều điểm danh lam thắng cảnh, các điểm du lịch nổi tiếng trong tuyến du lịch phía Bắc Việt Nam.

Quần thể hang động Phượng Hoàng, Suối Mỏ Gà và hang động khác như Nà Kháo, Hang Huyện,... có nhiều nhũ đá tạo nên cảnh quan đẹp. Mái Đá Ngườm ở xã Thần Sa là cái nôi ra đời sớm nhất của người Âu Lạc. Rừng Khuôn Mánh xã Tràng Xá là nơi thành lập đội cứu quốc quân II và nhiều hang động, di tích khác đã đi vào lịch sử của dân tộc.

1.2. Thực trạng môi trường

1.2.1. Môi trường đất

Chất lượng môi trường đất Võ Nhai hiện nay đang bị tác động mạnh và có chiều hướng suy giảm, nguyên nhân chủ yếu từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng không hợp lý thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và hoạt động công nghiệp dịch vụ. Mặc dù các tồn dư của phân bón hoá học, thuốc BVTV trong đất không vượt ngưỡng cho phép.

1.2.2. Môi trường nước

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn, với 84,13% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc chưa được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao.

1.2.3. Môi trường không khí

Các hoạt động sản xuất công nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm sản là nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí chính của huyện, đặc biệt đối với việc phát thải các khí như SO₂, NO₂, CO₂. Ngoài ra, còn các khí phát sinh từ giao thông, bụi, hoạt động sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu ở nông thôn như: Dùng phân bón không đúng liều lượng và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cũng tạo ra một lượng khí thải tuy chưa gây hại nhiều đến sức khỏe người dân, nhưng trong tương lai cần chú trọng quan tâm.

Theo số liệu quan trắc tại các mỏ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng trong huyện, nhìn chung nồng độ bụi lơ lửng, thông số tiếng ồn, ô nhiễm khí thải độc hại chưa ảnh hưởng nhiều.

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Theo báo cáo số 2368/BC-UBND ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như sau:

2.1. Về kinh tế

Tổng giá trị sản xuất các ngành chủ yếu trên địa bàn huyện ước đạt 1.556,08/3.096,15 tỷ đồng, đạt 50,26% kế hoạch, bằng 121,63% cùng kỳ. Trong đó:

- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 563,25/1.112 tỷ đồng, đạt 50,65% kế hoạch hàng năm, bằng 112,83% cùng kỳ.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng ước đạt 878,28/1750,5 đồng, đạt 50,17% kế hoạch, bằng 130% (878,28/675,6) so với cùng kỳ. Trong đó giá trị sản xuất ngành Công nghiệp địa phương ước đạt 248,6 tỷ đồng, đạt 50,5% kế hoạch (248,6/492), bằng 122,7% so với cùng kỳ (248,6/202,5).

- Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ kinh tế chủ yếu ước đạt 119,5/239,2 tỷ đồng, đạt 49,96% kế hoạch, bằng 114,35% (119,5/104,5) so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội (theo giá hiện hành) ước đạt 498,6 tỷ đồng, đạt 50,31% kế hoạch (498,6/990,9), bằng 100,4% (498,6/496,5) so với cùng kỳ.

a. Sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển nông thôn

** Về trồng trọt:*

Các xã, thị trấn đã tích cực triển khai kế hoạch sản xuất vụ Xuân, vụ Mùa đảm bảo trong khung thời vụ. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các xã, thị trấn đôn đốc các hộ dân chăm sóc diện tích chè và cây ăn quả mới trồng theo quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển tốt, đạt tỉ lệ sống

cao. Diện tích cây ăn quả được duy trì, các cơ quan chuyên môn thường xuyên tuyên truyền và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp chăm sóc, đốn tỉa, bón phân và phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời theo quy trình kỹ thuật.

- Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt ước đạt 58,2/109 triệu, đạt 53,4% kế hoạch.

- Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 25.210/52.000 tấn, đạt 48,48% kế hoạch năm, bằng 101,39% (25.210/24.863) so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng thóc ước đạt 10.348/26.800 tấn, đạt 38,6% kế hoạch năm, bằng 102,85% so với cùng kỳ (10.348/10.061); sản lượng ngô ước đạt 14.862/25.200 tấn, đạt 58,96% kế hoạch năm, bằng 100,4% so với cùng kỳ (14.862/14.802).

+ Cây lúa: Tổng diện tích đã gieo cấy ước đạt: 1.826 ha/1.770 ha, đạt 103,16% KH, bằng 102,72% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 10.348/26.800 tấn, đạt 38,6% kế hoạch năm, bằng 102,85% so với cùng kỳ.

+ Cây ngô: Diện tích gieo trồng ước đạt 2.701 ha/2.700 ha, đạt 100% KH, bằng 100,4% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 14.862/25.200 tấn, đạt 58,96% kế hoạch năm, bằng 100,4% so với cùng kỳ.

- Sản lượng chè búp tươi ước đạt 6.815/14.100 tấn, đạt 48,3% kế hoạch năm, bằng 119,2% (6.815/5.717) so với cùng kỳ.

* Về chăn nuôi:

Trong năm UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các địa phương chủ động hướng dẫn thực hiện công tác tái đàn trong chăn nuôi nông hộ theo chỉ đạo của ngành chức năng; thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, phòng chống đói, rét cho đàn gia súc, gia cầm; hướng dẫn các cơ sở, hộ chăn nuôi an toàn sinh học. Tiếp tục quan tâm phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô trang trại, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về giống, chuồng trại, nước uống, sát trùng, xử lý môi trường theo quy định. Tổ chức tiêm phòng vacxin cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch.

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 01/10/2023, sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 5.900/9.900 tấn, đạt 59,6% so với kế hoạch, bằng 115,8% (5.900/5.093,4) so với cùng kỳ.

* Về thủy sản:

Diện tích nuôi trồng thủy sản được người dân tiếp tục chăm sóc thủy sản theo quy trình kỹ thuật để đảm bảo đạt sản lượng theo kế hoạch giao, sản lượng thủy sản ước đạt 258/500 tấn, đạt 51,6% kế hoạch năm.

* Về Lâm nghiệp:

- Trên địa bàn huyện có 05 cơ sở kinh doanh giống cây lâm nghiệp, qua kiểm tra, rà soát nhìn chung các cơ sở đều chấp hành tốt các quy định theo Thông tư số 22/2019/TT-BNN-PTNT ngày 29/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn. Diện tích trồng rừng từ các nguồn vốn là 774,87 ha/500 ha, đạt 154,97% kế hoạch năm. Diện tích còn lại người dân đang tiếp tục trồng đảm bảo trong khung thời vụ và hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng năm 2024 theo chỉ tiêu giao.

- Chỉ đạo các đơn vị tổ chức “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Giáp Thìn năm 2024 gắn với thực hiện Chương trình “trồng mới 01 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”.

Kết quả xử lý vi phạm từ ngày 01/01 đến ngày 11/6/2024: Tổng số vụ vi phạm: 24 vụ. Tổng khối lượng, trọng lượng lâm sản tịch thu: 12,934m³ gỗ tròn và 5.400kg gỗ tính theo trọng lượng; lâm sản ngoài gỗ 1,562 Ster. Thu nộp ngân sách nhà nước số tiền là 79,95 triệu đồng.

** Công tác phòng chống thiên tai, thủy lợi:*

Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các xã, thị trấn phát dọn, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để cung cấp đủ nước tưới cho sản xuất. Duy trì lịch trực thiên tai, lụt bão và chỉ đạo khắc phục thiên tai theo quy định.

b. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; giao thông, đầu tư xây dựng

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển công nghiệp gắn với tiểu thủ công nghiệp. Chỉ đạo các ban quản lý dự án của huyện và các xã, thị trấn thực hiện công tác quản lý đầu tư và xây dựng các công trình theo kế hoạch; tăng cường công tác quản lý chất lượng các công trình trên địa bàn huyện.

Nâng cao hiệu quả quản lý các cụm công nghiệp; ưu tiên phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế. Tranh thủ nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phù hợp với xu thế và điều kiện địa phương. Khuyến khích phát triển nghề thủ công truyền thống, khai thác, chế biến nông sản, thực phẩm, thu hút nhiều lao động.

Tiếp tục khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp đến đầu tư xây dựng sản xuất trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các làng nghề, các tổ hợp tác, các hợp tác xã đáp ứng yêu cầu sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực giao thông, an toàn giao thông trên địa bàn huyện. Trong 6 tháng đầu năm Cảnh sát giao thông Công an huyện Võ Nhai đã tuần tra, phát hiện, lập biên bản 1356 trường hợp vi phạm; ra quyết định xử phạt 746 trường hợp; thu nộp ngân sách Nhà nước trên 1.400 triệu đồng.

UBND huyện tích cực chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng Quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị La Hiên,

quy hoạch chung thị trấn Đình Cả, quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm La Hiên,...; cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn các xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch của huyện và của tỉnh. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng đô thị mới La Hiên và đô thị loại IV thị trấn Đình Cả theo kế hoạch đề ra.

c. Công tác thu chi ngân sách, thị trường, dịch vụ

* *Về thu, chi ngân sách:* Công tác quản lý và điều hành ngân sách theo đúng luật. Thu - chi cân đối ngân sách đảm bảo tiến độ đề ra. Kết quả thu cân đối ngân sách trên địa bàn đến hết ngày 30/6/2024 được 29.606 triệu đồng (chưa bao gồm nguồn ghi thu nhân dân đóng góp xây dựng nông thôn mới), đạt 60,54% dự toán HĐND huyện giao. Loại trừ thu cấp quyền sử dụng đất đến hết 30/6/2024 thu 22.325 triệu đồng bằng 54,59% dự toán tỉnh và huyện giao, bằng 105,89% so cùng kỳ năm trước; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2024 của huyện nhìn chung đảm bảo theo tiến độ. Chi ngân sách tính đến ngày 30/6/2024 toàn huyện được 269.400 triệu đồng, bằng 42,98% kế hoạch được giao đầu năm. Công tác phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn huyện đảm bảo theo đúng quy định.

* *Công tác tín dụng:* Các ngân hàng trên địa bàn huyện đã chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn; đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn cho sản xuất, kinh doanh.

* *Về thị trường, dịch vụ, thương mại:* Thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế lĩnh vực công thương trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt các hoạt động phục vụ Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, bình ổn thị trường phục vụ Nhân dân, chống gian lận thương mại, phòng chống cháy nổ trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024. Trên địa bàn huyện giá cả mặt hàng ổn định, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột ngột gây bất ổn thị trường. Huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vận chuyển, buôn bán hàng nhập lậu, hàng cam, hàng giả và các hoạt động gian lận thương mại khác.

* *Công tác cấp nước, cấp điện:* Cơ bản theo kế hoạch đề ra, các sự cố về cung cấp điện được khắc phục kịp thời, thông báo cắt điện qua tin nhắn đến từng hộ sử dụng điện khi có lịch sửa chữa, hạn chế ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống người dân.

2.2. Về các vấn đề xã hội

**** Giáo dục và đào tạo***

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch năm học 2023-2024, thực hiện tốt các hoạt động dạy học và các hoạt động thi đua nhằm đảm bảo các chỉ

tiêu theo Kế hoạch. Chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện tốt chương trình học kỳ II: tổ chức đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học; xây dựng kế hoạch ôn tập củng cố kiến thức, tổ chức thi thử cho học sinh lớp 9 thi tuyển sinh vào lớp 10 và tổ chức xét tốt nghiệp cho học sinh lớp 9 (xét kết quả tốt nghiệp 1.133/1.133 học sinh, đạt 100%). Chỉ đạo phối hợp tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 trên địa bàn huyện. Chỉ đạo các đơn vị trường học tiến hành tổng kết năm học theo đúng khung kế hoạch năm học và bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra; kiểm định chất lượng giáo dục, công tác tổ chức cán bộ. Triển khai Kế hoạch thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2024; kiểm tra công tác bán trú tại các trường phổ thông dân tộc bán trú.

Tính đến nay toàn ngành có 50/60 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 83,3%. Trong đó: Mầm non 19/20 trường đạt tỷ lệ 95%. Tiểu học 18/19 trường đạt tỷ lệ 94,7%. Trung học cơ sở: 13/21 trường đạt tỷ lệ 62%.

Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, công tác xóa mù chữ. Trong 06 tháng đầu năm đã tổ chức được 16 lớp xóa mù chữ tại 9 xã với 317 học viên tham gia.

*** Về Y tế**

Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, công tác quản lý hành nghề y dược. Chỉ đạo các xã, thị trấn thường xuyên chủ động theo dõi, giám sát, nắm chắc tình hình dịch bệnh, kịp thời phát hiện và khống chế khi có dịch xảy ra. Trong 06 tháng đầu năm, tổng số lượt bệnh nhân khám chữa bệnh 42.551 lượt; bệnh nhân điều trị nội trú 4.909 bệnh nhân. Các đơn vị y tế, các cơ sở kinh doanh thuốc trên địa bàn huyện đảm bảo cung ứng thuốc, vật tư y tế tuân thủ theo các quy định của Nhà nước. Công tác kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện, không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

Triển khai thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; tổ chức tốt việc kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trên địa bàn, trong 06 tháng không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị y tế, các cơ sở kinh doanh thuốc trên địa bàn huyện đảm bảo cung ứng thuốc, vật tư y tế. Chỉ đạo các cơ sở kinh doanh dược rà soát kiểm tra thuốc bị đình chỉ lưu hành theo chỉ đạo của Sở Y tế; tiếp tục triển khai và duy trì kết nối liên thông dữ liệu cơ sở cung ứng thuốc đối với các cơ sở hành nghề kinh doanh thuốc.

*** Công tác văn hoá, thể thao, thông tin truyền thông và du lịch**

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thông tin tuyên truyền, công tác gia đình, thư viện, bảo tồn di sản văn hóa, công tác bưu chính, viễn thông, du lịch... Tuyên truyền các

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; Nghị quyết kỳ họp HĐND huyện; tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và các chỉ tiêu kinh tế xã hội của huyện... Bằng các hình thức tuyên truyền trực quan và tuyên truyền trên sóng phát thanh. Công tác bưu chính, viễn thông: Đường truyền mạng ổn định; công tác chuyển phát thư từ được đảm bảo; dịch vụ báo trí được các cơ quan nghiêm túc thực hiện theo quy định, đảm bảo phục vụ nhu cầu văn hóa đọc, cập nhật kịp thời tin tức của Đảng, của Nhà nước và nhân dân, các tin tức, sự kiện của địa phương, trong và ngoài nước.

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa - văn nghệ chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn và tổ chức tọa đàm chào mừng 114 năm ngày Quốc tế Phụ nữ; các xã, thị trấn đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức các hoạt động kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2024) và mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024. Tổ chức liên hoan văn nghệ các dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai lần thứ VII năm 2024 với 15 xã, thị trấn tham gia.

- Chỉ đạo tổ chức thành công Lễ hội “Võ Nhai nơi cội nguồn” năm 2024 và giới thiệu, quảng bá những nét văn hóa độc đáo, các sản phẩm nông sản của các dân tộc huyện Võ Nhai tới Nhân dân và du khách, thu hút hơn 18.000 lượt người tham gia lễ hội.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý, bảo tồn di tích, di sản trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn huyện Võ Nhai.

Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung của Đề án phát triển du lịch huyện Võ Nhai - năm 2024. Chỉ đạo quản lý tốt các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, du lịch; Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh hoạt động du lịch tiếp tục đảm bảo tốt cơ sở, vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ, niêm yết giá, bán đúng giá dịch vụ; thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống các loại dịch bệnh. Tham gia 01 gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm, quảng bá tiềm năng, sản phẩm du lịch, sản phẩm OCOP và ẩm thực tại Chương trình khai mạc Mùa Du lịch Thái Nguyên năm 2024. Triển khai tuyên truyền sử dụng phần mềm thông báo lưu trú ASM cho các cơ sở lưu trú trên địa bàn huyện. Chỉ các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; hướng dẫn các hộ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch theo quy định. Duy trì 08 tour du lịch đã xây dựng và khai thác từ năm 2022 đến nay để cung cấp cho các đơn vị lữ hành. Xây dựng mới và giới thiệu cung cấp cho các đơn vị lữ hành 05 tour du lịch trong năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2024, toàn huyện thu hút trên 106.550

lượt người tham quan, trải nghiệm tại địa phương đạt 76,10% kế hoạch, doanh thu khoảng 7 tỷ đồng.

3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

3.1. Những thuận lợi

- Huyện trục Quốc lộ 1B qua địa bàn huyện (là cửa ngõ phía Đông của tỉnh Thái Nguyên), là điều kiện tốt cho việc giao lưu đi lại, trao đổi, vận chuyển hàng hóa nhanh chóng với tỉnh Thái Nguyên và thuận tiện từ Võ Nhai đi thành phố Thái Nguyên và xuôi về Hà Nội.

- Tiềm năng quỹ đất thuận lợi cho việc trồng rừng, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả,... và chăn nuôi đại gia súc, gia cầm phát triển.

- Điều kiện tự nhiên của huyện có núi cao, đồi, đồng bằng đã tạo ra các vùng sản xuất nông nghiệp khác nhau trên mỗi vùng sinh thái nông nghiệp với các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả kinh tế cao.

- Nhìn chung, đất đai của huyện đa dạng, thuận lợi cho việc phát triển đa dạng hoá cây trồng.

- Tỷ lệ che phủ thảm thực vật trên địa bàn huyện lớn. Vì vậy, trong quy hoạch sử dụng đất cần chú trọng bảo vệ, duy trì và chăm sóc diện tích rừng hiện có nhằm tăng độ che phủ, đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ tài nguyên đất.

- Là huyện có truyền thống cách mạng, đoàn kết, cần cù lao động, có mặt bằng về tập quán và kinh nghiệm sản xuất cao hơn mức bình quân chung của tỉnh.

3.2. Những khó khăn và thách thức

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị của huyện và UBND các xã, thị trấn chưa chủ động, chưa kịp thời, thiếu quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tác phong lề lối làm việc ở một số xã, đơn vị chưa thực sự nề nếp, việc phối hợp tổ chức triển khai nhiệm vụ giữa các cơ quan chưa chặt chẽ, còn lúng túng, chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Quỹ đất sản xuất nông nghiệp hạn hẹp, bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp đầu người thấp cũng gây khó khăn cho huyện trong khai thác các tiềm năng, thế mạnh của mình.

- Khí hậu, thủy văn phân hoá theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, ngập úng về mùa mưa, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống người dân. Lượng mưa phân bố không đều, mùa mưa có lượng mưa lớn chiếm khoảng 91,6% lượng mưa cả năm gây ra úng ngập, dẫn tới hiện tượng rửa trôi,

xói mòn đất.

- Là huyện miền núi, địa hình phức tạp, nhiều vùng sâu, vùng xa. Điều kiện kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng của huyện còn nhiều khó khăn nhất là đối với các xã vùng sâu, vùng xa của huyện.

- Tuy đời sống nhân dân trong các năm qua đã được nâng cao, nhưng tỷ lệ hộ nghèo còn chiếm khoảng khá cao, nhất là các xã ở vùng núi cao.

- Trình độ lao động còn thấp, đây là một khó khăn rất lớn trong sản xuất hàng hoá gắn với thị trường.

- Tuy kinh tế có sự chuyển biến nhanh trong những năm qua, nhưng xuất phát điểm còn thấp, nền kinh tế còn lạc hậu, thu chi Ngân sách hạn hẹp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 và bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 02/04/2024 và Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. UBND huyện Võ Nhai đã triển khai việc giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch được duyệt.

Kết quả thực hiện như sau:

Tổng diện tích phê duyệt kế hoạch năm 2024 được duyệt là 491,22ha, thực hiện được 40,01ha, đạt 8,15% kế hoạch.

Bảng 01. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đã được phê duyệt năm 2024 (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
						Nhóm đất nông nghiệp						
						Tổng số	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
	Tổng		491,22	40,01	8,15	29,51	6,34			23,17	4,90	5,60
1	Đất nông nghiệp	NNP	182,97	4,03	2,20	4,03	0,77			3,26		
	<i>Trong đó:</i>											
1.1	Đất trồng lúa	LUA										
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC										
1.2	Đất trồng cây	HNK										

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đã được phê duyệt năm 2024 (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
						Nhóm đất nông nghiệp						
						Tổng số	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
	hàng năm khác											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1,86	0,81	43,41	0,81	0,77			0,03		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	53,41									
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS										
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	127,71	3,23	2,53	3,23				3,23		
1.9	Đất làm muối	LMU										
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH										
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	308,25	35,98	11,67	25,48	5,56			19,91	4,90	5,60
	<i>Trong đó:</i>											
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	56,54	9,75	17,25	9,67	0,66			9,01	0,09	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	24,58	0,03	0,12	0,03	0,01			0,02		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,79									
2.4	Đất quốc phòng	CQP	20,00	0,61	3,06	0,61				0,61		
2.5	Đất an ninh	CAN	0,96	0,55	57,72	0,53	0,08			0,45	0,02	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	9,45	8,30	87,80	6,43	2,70			3,73	1,87	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	148,29	8,86	5,97	0,37				0,37	2,92	5,57
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	28,09	7,43	26,44	7,391	1,676			5,72	0,0063	0,0304
2.9	Đất tôn giáo	TIN										
2.10	Đất tín ngưỡng	TON	1,23	0,44		0,44	0,44					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro	NTD	2,87									

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đã được phê duyệt năm 2024 (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
						Nhóm đất nông nghiệp						
						Tổng số	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
	cột											
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	15,45									
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK										
3	Đất chưa sử dụng	CSD										

2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1. Kết quả đạt được

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã góp phần định hướng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Võ Nhai. Công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

- Công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn đã có những chuyển biến tích cực, các nội dung quản lý Nhà nước đã được thực hiện cụ thể và đồng bộ. Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả;

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác lập và triển khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm và ý thức chấp hành kế hoạch sử dụng đất của các ngành, các cấp chính quyền đã được nâng lên. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất được thực hiện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Góp phần giảm khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai;

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất được công khai rộng rãi đã góp phần phát huy tính dân chủ, công khai, giảm được nhiều tiêu cực trong công tác quản lý đất đai. Kế hoạch sử dụng đất trở thành một trong những công cụ quan trọng của các cấp chính quyền để quản lý, sử dụng đất có hiệu quả hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.2. Những tồn tại

Bên cạnh các mặt tích cực, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất vẫn còn những tồn tại như sau:

- Công tác tuyên truyền về Luật Đất đai mới, về đăng ký, thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn hạn chế nên có một số chủ đầu tư đã đăng ký

thực hiện dự án không đúng đối tượng, không đủ điều kiện để thực hiện dự án;

- Công tác chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra trong quá trình thực hiện còn chưa sát. Bồi thường và giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng, đưa đất vào sử dụng theo kế hoạch. Việc chậm trễ thu hồi, giải phóng mặt bằng làm giảm đi hiệu quả của việc quy hoạch sử dụng đất;

- Năng lực cán bộ, tổ chức còn hạn chế dẫn đến các thủ tục về đầu tư, xây dựng, bồi thường đất đai còn vướng mắc, chậm xử lý dứt điểm nên một số công trình, dự án chậm triển khai so với kế hoạch, phát huy hiệu quả đầu tư chưa cao;

- Việc xây dựng lấn chiếm trái phép, hoặc không xin phép, không đúng quy hoạch, không đúng mục đích vẫn còn diễn ra ở các khu dân cư, đặc biệt trong các khu vực tự phát không phù hợp quy hoạch;

- Nguồn vốn đầu tư cho phát triển còn hạn chế, bị động, chưa có nguồn vốn để tạo mặt bằng đất sạch nhằm thu hút các nhà đầu tư, xây dựng hạ tầng đồng bộ để bán đấu giá quyền sử dụng đất ở tạo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Phụ thuộc vào các quy định của pháp Luật Đất đai, danh mục các dự án kế hoạch sử dụng đất xác định một trong những căn cứ pháp lý giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, do khi lập kế hoạch sử dụng đất một số dự án không có tính khả thi cao nhưng khuynh hướng là đưa vào kế hoạch sử dụng đất để có cơ sở pháp lý Nhà nước ra quyết định thu hồi đất và giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất vì vậy kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả thấp so với chỉ tiêu đã được phê duyệt;

- Nguồn thu Ngân sách đạt thấp, nguồn vốn bố trí cho các công trình cấp phát thấp, có tác động đến nhiều công trình, dự án khác không có vốn thực hiện;

- Kế hoạch sử dụng đất chưa tính đúng khả năng phát triển thực tế tại địa phương nên trong quá trình thực hiện quy hoạch đã phát sinh hạng mục mới, một số hạng mục không thực hiện được;

- Việc xây dựng tài liệu hồ sơ địa chính, giúp cho việc triển khai kế hoạch, quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường còn chông chéo nhau, chưa được đồng bộ.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Đất đai có nguồn gốc rất phức tạp, là lĩnh vực rất nhạy cảm, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Mặt khác, nhận thức của một bộ phận người dân, tổ chức sử dụng đất về chính sách pháp luật còn hạn chế, thiếu hợp tác trong công

tác bồi thường giải phóng mặt bằng, gây nhiều khó khăn làm chậm triển khai nhiều dự án đầu tư nhất là các dự án về đường giao thông;

- Các xã, thị trấn chưa coi trọng chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt cho nên kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, xã chưa sát với kế hoạch được duyệt;

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn nhiều hạn chế nên vẫn để xảy ra tình trạng người sử dụng đất tự ý thay đổi mục đích sử dụng đất mà không xin phép;

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa điểm có hạng mục quy hoạch gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu;

- Nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, cho các dự án đầu tư chưa được tính toán khoa học, chưa sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dẫn tới tình hình vừa thiếu, vừa thừa quỹ đất và thường phải điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, có lúc thiếu kiểm tra, đôn đốc đối với các chủ đầu tư, chưa xử lý nghiêm các đơn vị đăng ký các dự án không đúng các điều kiện quy định, chưa khả thi;

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành trong huyện, việc chấp hành thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa nghiêm, tình trạng sử dụng đất sai mục đích, lãng phí, kém hiệu quả vẫn còn xảy ra;

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thật chặt chẽ, còn thiếu sự tham gia sâu rộng của người sử dụng đất;

- Việc tái đầu tư kinh phí thu được từ đất cho công tác quản lý đất đai nói chung, cho công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng còn hạn chế và chưa được quan tâm thích đáng.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1. Kế hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 47,33 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 là 39,85 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 là 40,45 ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 0,13 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2025 là 56 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 47,33 ha. Trong đó:

- 20 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 39,9 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 36 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 7,43 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

6. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai

- Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

7. Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 02 năm chưa thực hiện

Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đối với 27 công trình, dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai do đã quá 02 năm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

8. Danh sách chi tiết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Võ Nhai xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện Võ Nhai trong năm 2025, sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện Võ Nhai thực hiện các giải pháp như sau:

1. Các biện pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước và đất. Kiên quyết đình chỉ hoặc buộc các cơ sở gây ô nhiễm phải chuyển ra khỏi địa bàn;

- Lập quy hoạch, tổ chức xây dựng hệ thống thoát nước cho các khu vực có địa hình thấp;

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư;

- Tổ chức thu gom, xử lý triệt để rác thải sinh hoạt, nâng cao năng lực đội vệ sinh môi trường các xã cần sớm nâng cấp thành lập công ty dịch vụ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ rác thải độc hại công nghiệp, y tế, vận hành hệ thống xử lý môi trường tại tất cả các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Tăng cường các cán bộ có năng lực chuyên môn về môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý, phát hiện và đề xuất xử lý các vấn đề môi trường; phối hợp chặt chẽ với nhân dân để phát hiện và xử lý các trường hợp cố tình xâm hại môi trường.

- Tổ chức phát triển các mảng xanh lớn dưới các hình thức như: Trồng cây trong các khu dân cư, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

2.1. Giải pháp về tuyên truyền

Sau khi kế hoạch sử dụng đất 2025 được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên cổng thông tin của UBND huyện, và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Tại UBND xã, thị trấn lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết đầy đủ các thông tin về dự án, công trình sẽ thực hiện trong năm 2025. Tuyên truyền các văn bản của luật Đất đai năm 2024 để nhân dân chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý đất đai, không để phát sinh các đầu tư xây dựng mới trên các địa điểm công trình dự án sẽ thực hiện trong năm 2024, nhằm giảm thiểu lãng phí nguồn lực của nhân dân và nhà nước, khi triển khai thực hiện bồi thường, thu hồi đất được sự đồng thuận cao nhất.

2.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Tập trung rà soát các thủ tục hành chính để ưu tiên triển khai các dự án đăng ký trong năm kế hoạch. Không cấp phép đầu tư, giao cấp đất đối với những dự án, công trình không đăng ký trong kỳ kế hoạch (ngoại trừ các công trình mang tính cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng).

- Công khai kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để đảm bảo mọi thành phần kinh tế có thể tham gia vào việc thực hiện các mục tiêu trong kế hoạch.

- Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất tại các xã, thị trấn. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục: Chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án sử dụng đất,...

2.3. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Xác định các nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi, cơ sở giáo dục đào tạo, y tế, là nguồn vốn rất quan trọng có tính quyết định, nhằm tạo ra động lực phát triển, trước mắt, lâu dài. Cần phối hợp các chủ đầu tư về công việc bồi thường, giải tỏa, giao mặt bằng để triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ.

- Kết hợp với chủ đầu tư rà soát lại nguồn vốn, nhân lực, các thủ tục để có thể triển khai đúng theo kế hoạch đã đăng ký. Có chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư các dự án, công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Hỗ trợ vốn, chính sách để đảm bảo người dân bị thu hồi đất an tâm, nhanh chóng bàn giao mặt bằng phục vụ xây dựng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ có đơn xin chuyển mục đích từ đất nông nghiệp chuyển sang đất ở, vừa có nguồn thu cho ngân sách, nhưng không phải bồi thường đất, xây dựng hạ tầng, an sinh xã hội, thuận lợi trong quản lý đất đai.

- Tạm ứng, vay vốn từ ngân sách tỉnh, kho bạc Nhà nước để thực hiện sớm các công trình hạ tầng quan trọng phát triển kinh tế, xã hội, công trình có nguồn thu Ngân sách lớn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhiều nhà doanh nghiệp đầu tư cơ sở sản xuất, dịch vụ, hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Phát huy kết quả đạt được trong các năm qua vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa các nguồn vốn để xây dựng nhiều công trình dự án thuộc quy hoạch nông thôn mới như: Giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao nông thôn, nhà ở cho hộ nghèo.

- Kiến nghị UBND tỉnh cần đầu tư, cung cấp nguồn kinh phí kịp thời để thực hiện các dự án quy hoạch, giải quyết nguồn kinh phí phục vụ công tác bồi

thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư. Cho phép huyện được sử dụng các nguồn kinh phí thu được trong các đợt bán đấu giá đất trong huyện.

2.4. Giải pháp về kỹ thuật

- Khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ mới về giống, giải pháp canh tác cho năng suất chất lượng cao thâm canh, luân canh, tăng hiệu quả, hệ số sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, an toàn thực phẩm, thích nghi với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững.

Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có các công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại về công nghiệp, đổi mới công nghệ và đầu tư, vận hành hệ thống xử lý môi trường trong công nghiệp và thu gom xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải độc hại,...

- Chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch để tiến hành xây dựng quy hoạch chi tiết và xem xét thực hiện việc khảo sát đo đạc, cắm mốc và đền bù thu hồi đất theo từng dự án, công trình, nhằm khắc phục tình trạng triển khai chậm do ách tắc bởi công tác đền bù, giải tỏa.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn về công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đối với cán bộ cấp huyện và UBND các xã, thị trấn để nâng cao năng lực quản lý.

- UBND huyện định kỳ làm việc với các ngành và UBND các xã, thị trấn để rà soát đối chiếu các công trình dự án nào không khả thi do thiếu vốn cần phải hủy bỏ hoặc điều chỉnh ngay trong năm.

- Xây dựng hệ thống thông tin địa chính theo kế hoạch của tỉnh để đảm bảo cập nhật đầy đủ, nhanh chóng các biến động về đất đai, giúp công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được đồng bộ, chính xác và nhanh chóng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư và người dân thuận tiện hơn trong các giao dịch về đất đai.

2.5. Giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn huyện

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục duy trì có hiệu quả cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước. Nâng cao trình độ, nhận thức và kỹ năng của đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Tăng cường đối thoại với các nhà đầu tư, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, là cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã thực hiện đầy đủ tính chất này.

Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của các ngành, các xã trong huyện, dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND huyện. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai được lập trên cơ sở xem xét phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Võ Nhai theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Chỉ tiêu các loại đất chính của phương án kế hoạch sử dụng đất 2024 đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, phát triển các ngành kinh tế.

- Hiệu quả sử dụng đất được nâng cao với sự chuyển dịch cơ cấu đất đai hợp lý; các loại đất chuyên dùng, phù hợp với định hướng phát triển của huyện. Các loại đất tăng thêm đã đảm bảo chuyển dịch cơ cấu lao động từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất phi nông nghiệp đáp ứng các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội...

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất đai, đề nghị:

Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phương án được thực hiện.

Đề nghị UBND tỉnh Thái nguyên dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để phương án được hoàn thành. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét duyệt để làm cơ sở thống nhất cho công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện./.

DANH MỤC PHỤ BIỂU

STT	Ký hiệu biểu	Tên phụ biểu
1	Phụ lục I	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai
2	Phụ lục II	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Võ Nhai
3	Phụ lục III	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai
4	Phụ lục IV	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của huyện Võ Nhai
5	Phụ lục V	Danh mục 20 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025 của huyện Võ Nhai
6	Phụ lục VI	Danh mục 36 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025 của huyện Võ Nhai
7	Phụ lục VII	Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai
8	Phụ lục VIII	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với 27 công trình, dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai do đã quá 02 năm chưa thực hiện
9	Phụ lục IX	Danh sách chi tiết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Võ Nhai xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024

Phụ lục V
Danh mục 20 công trình, dự án chuyên tiếp sang thực hiện
năm 2025 của huyện Võ Nhai

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		39,90	4,30	1,92	21,28		12,40
1	Khu dân cư số 1	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,25					0,25
2	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại xóm Tân Kim, xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	3,28			3,28		
3	Thao trường huấn luyện tổng hợp huyện Võ Nhai, hạng mục trường bắn	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	18,00			18,00		
4	Trạm y tế xã Dân Tiến (Giao đất)	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,20					0,20
5	Khu thể thao xã Tràng Xá	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	0,26	0,03				0,23
6	Khu thể thao xã Dân Tiến (Giao đất)	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,60	0,60				
7	Đất thương mại dịch vụ (hộ Vũ Đức Chờ)	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	0,05					0,05
8	Đất thương mại dịch vụ (hộ Nguyễn Minh Huy)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
9	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xóm Phương Đông (hộ Lê Đức Minh)	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,20					0,20
10	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực suối Nho - Sông Rong	Xã Liên Minh, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	9,87	0,65				9,22
11	Đường vào khu thể thao xã Lâu Thượng	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	0,43	0,23	0,12			0,08
12	Cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025 (Công trình: cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai)	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	0,10					0,10
13	Khai thác đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	1,10		1,10			
14	Xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 375 E6.8 với 371 E6.8 đoạn tuyến từ cột G26 xóm Đất Đỏ đến vị trí cột 12 nhánh rẽ TBA bệnh viện đa khoa lộ 371-E6.8	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	0,04	0,04				
15	Trùng tu, mở rộng Đình Công Chùa Xã	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,69	0,50				0,19

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Trong đó sử dụng từ loại đất				
			Diện tích đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
16	Chuyên mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Phạm Thị Hương)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,10				0,10
17	Khu thể thao xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	1,00	1,00			
18	Khu thể thao xã Phú Thượng (Giao đất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	1,10	1,10			
19	Khu thể thao cụm xã Cúc Đường (Giao đất)	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	1,50	0,15	0,70		0,65
20	Khu thể thao xã Phương Giao (Giao đất)	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,07				1,07

Phụ lục VI
Danh mục 36 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025
của huyện Võ Nhai

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		7,43	0,88	1,95	0,52		4,09
1	Chuyển mục đích sang đất chăn nuôi hộ gia đình Lý Văn Hoàn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,09	0,09				
2	Chuyển mục đích sang đất chăn nuôi hộ gia đình Phạm Thị Hoa	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,33					0,33
3	Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai (phần mở rộng thêm)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
4	Trụ sở UBND xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,78					0,78
5	Nhà Văn hoá xóm Bàn Chang	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
6	Nhà văn hóa xóm Nà Giảm	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,02					0,02
7	Nhà văn hoá xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
8	Nhà văn hoá xóm Khe Rịa (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,04					0,04
9	Nhà văn hoá xóm Cao Sơn (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,09		0,09			
10	Nhà văn hoá xóm Khe Rạc (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
11	Nhà văn hoá xóm Na Cà (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,085		0,08			0,005
12	Nhà văn hoá xóm Na Đồng (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,068		0,063			0,005
13	Nhà văn hoá xóm Na Rang (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,11					0,11
14	Nhà văn hoá xóm Khe Cái (đề giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,07		0,07			
15	Nhà văn hóa xóm Tân Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,08					0,08
16	Nhà văn hóa xóm Trung Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,18	0,07				0,11
17	Nhà văn hóa xóm Cao Lắm	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
18	Nhà văn hóa xóm Phú Trì	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,10	0,07				0,03
19	Nhà văn hóa xóm Đồng Mới	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,12					0,12
20	Nhà văn hóa xóm Lũng Luông (đề giao đất)	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,41					0,41
21	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,13		0,13			0,00
22	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chạo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,11		0,11			
23	Trường phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thân Sa (đề giao đất)	Xã Thân Sa, huyện Võ Nhai	0,18					0,18
24	Trường Mầm non xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,29		0,29			

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
25	Kiên cố hoá Trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016 - 2020	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,03					0,03
26	Trường Mầm non Liên Minh, phân trường xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,11		0,02			0,09
27	Trường Mầm non Dân Tiến 2	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,07					0,07
28	Điểm Trường Mầm non Phú Thượng (xóm Ba Nhất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,02				0,08
29	Công trình phụ trợ Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,02		0,02			
30	Đường tràn dân sinh trên địa bàn xã Liên Minh và xã Phương Giao	Xã Liên Minh, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,60					0,60
31	Đường giao thông xóm Nác, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đi xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,50	0,10	1,05			0,35
32	Tuyến đường giao thông xóm Ngọc Mỹ đi Khuân Nang, xã Liên Minh (giai đoạn 1 + 2)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,72	0,20		0,52		
33	Sửa chữa đường bê tông Tổ dân phố Tiên Phong (Từ nhà ông Triệu Văn Phòng đến nhà ông Trần Văn Vị)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,04	0,03				0,01
34	Xây dựng đường tràn xóm Vên, xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	0,11	0,11				
35	Chợ xã Liên Minh	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,32	0,15				0,17
36	Chợ xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,35					0,35

Phụ lục VII

Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt							Nay điều chỉnh lại như sau:								
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất				STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh														
1	Khu thể thao xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,50				1,50	1	Khu thể thao xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,07				1,07

Phụ lục VIII

Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với 27 công trình, dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai do đã quá 02 năm chưa thực hiện

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
	TỔNG CỘNG		105,58		105,58
1	Khu dân cư số 3	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	14,28		14,28
2	Khu dân cư nông thôn mới Đồng Danh, xã Tràng Xá	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	10,00		10,00
3	Khu dân cư nông thôn mới xã Phú Thượng	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	10,00		10,00
4	Trụ sở Phòng Tài chính kế hoạch huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,15		0,15
5	Trụ sở làm việc UBND xã Thượng Nung	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,27		0,27
6	Nhà văn hóa xóm Nho	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,04		0,04
7	Nhà văn hóa xóm Khuôn Đã	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,07		0,07
8	Nhà văn hóa xóm Vang	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,06		0,06
9	Cụm công nghiệp Trúc Mai	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	13,44		13,44
10	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Cây Bòng	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	2,09		2,09
11	Cụm công nghiệp Cây Bòng	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	2,49		2,49
12	Dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	5,22		5,22
13	Đầu giá Trụ sở làm việc cũ của Chi Cục Thuế huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,11		0,11
14	Khu giới thiệu và trưng bày sản phẩm địa phương (đầu giá)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10		0,10
15	Điểm du lịch sinh thái Phượng Hoàng huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	1,83		1,83
16	Khu sinh thái (hộ: Phạm Thị Hợi)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,04		1,04
17	Khu sinh thái (hộ: Trương Quang Thọ)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,67		0,67
18	Khu sinh thái (hộ: Nguyễn Văn Thu)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,12		0,12
19	Công trình phụ trợ khai thác mỏ vàng gốc, Deluvi khu vực Đèo Cánh - Lũng địa chất	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	9,86		9,86
20	Mỏ đá vôi Đồng Dong	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	22,34		22,34
21	Tôn tạo di tích lịch sử và thắng cảnh hang Phượng Hoàng - Suối Mỏ Gà	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,90		0,90
22	Khu xử lý rác thải tập trung phía Nam huyện Võ Nhai	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	6,70		6,70
23	Chợ xã Thượng Nung	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,17		0,17

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
24	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	2,87		2,87
25	Chuyên mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Nguyễn Thành Lộc-phần mở rộng)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,40		0,40
26	Chuyên mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Lý Văn Tình)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,24		0,24
27	Chuyên mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Lý Văn Nùng)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,12		0,12

Phụ lục IX

Danh sách chi tiết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Võ Nhai xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm	Sang đất nuôi trồng thủy sản
I	Thị trấn Đình Cả									
1	Vi Văn Thắng và	Thị trấn Đình Cả	1	25	LUC	0,02	0,02			
2	Phạm Duy Trọng	Thị trấn Đình Cả	306	16	LUK	0,03	0,03			
3	Dương Thế Dự	Thị trấn Đình Cả	142	24	LUK	0,02	0,02			
4	Đình Văn Khải	Thị trấn Đình Cả	516	24	LUK	0,012	0,012			
II	Xã Vũ Chấn									
1	Ma Văn Tôn	Xã Vũ Chấn	408	17	LUK	0,01	0,01			
		Xã Vũ Chấn	424	17	LUK					
III	Xã Thượng Nung									
1	Ông Ma Khánh Tuyên và bà Nguyễn Thị Láng	Xã Thượng Nung	368	2	RSX	0,02	0,02			
IV	Xã Phú Thượng									
1	Hứa Văn Siêu và Lương Thị Bảy	Xã Phú Thượng	145	54	LUC	0,04	0,04			
2	La Quý Thảo	Xã Phú Thượng	230	45	LUC	0,02	0,02			
3	Lao Xuân Thủy	Xã Phú Thượng	314	60	LUK	0,04	0,04			
4	Hoàng Thị Thắm	Xã Phú Thượng	301	54	LUC	0,01	0,01			
5	Trần Văn Nghĩa và Nguyễn Thị Đào	Xã Phú Thượng	258	54	LUK	0,02	0,02			
6	Trần Văn Trọng và Nguyễn Ngọc Anh	Xã Phú Thượng	257	54	LUC	0,02	0,02			
7	Lê Văn Chung - Phùng Thị Lý	Xã Phú Thượng	248	46	LUK	0,03	0,03			
8	Nông Văn Hào và bà Hoàng Văn Đông	Xã Phú Thượng	165	32	LUK	0,02	0,02			
V	Xã Cúc Đường									
1	Nông Tiên Lan	Xã Cúc Đường	179	39	LUK	0,04	0,04			
2	Lại Thị Thu Hà	Xã Cúc Đường	253	46	LUK	0,02	0,02			
3	Nông Công Tiệp	Xã Cúc Đường	101	40	LUK	0,03	0,03			
		Xã Cúc Đường	121	40	LUK	0,01	0,01			
4	Nông Văn Tuấn	Xã Cúc Đường	33	47	LUK	0,03	0,03			
VI	Xã La Hiên									
1	Nguyễn Thị Thủy	Xã La Hiên	244	86	LUK	0,01	0,01			
2	Trần Thị út	Xã La Hiên	150	93	LUC	0,04	0,04			
3	Dương Hồng Chuyên	Xã La Hiên	444	67	LUK	0,02	0,02			
4	Doãn Anh Tuấn	Xã La Hiên	270	86	LUK	0,03	0,03			
5	Hoàng Thị Thanh	Xã La Hiên	33	94	LUK	0,04	0,04			
		Xã La Hiên	457	94	LUK					
6	Vũ Thị Ngọc Yến	Xã La Hiên	530	81	LUK	0,02	0,02			
7	Lục Thị Bình	Xã La Hiên	179	93	LUK	0,08	0,08			
8	Hoàng Văn Thắng	Xã La Hiên	215	93	LUK	0,009	0,009			
		Xã La Hiên	213	93	LUK	0,008	0,008			
9	Nguyễn Anh Ngân	Xã La Hiên	148	93	LUC	0,023	0,023			

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn...)	Thửa đất số	Số thửa	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm
10	Hoàng Thị Oanh	Xã La Hiên	216	93	LUK	0,012	0,012		
11	Hoàng Văn Cao	Xã La Hiên	275	67	LUC	0,02	0,02		
12	Hoàng Thị Nga	Xã La Hiên	165	93	LUK	0,025	0,025		
13	Nông Thị Hạnh	Xã La Hiên	71	54	LUK	0,0359	0,02		
		Xã La Hiên	92	54	LUK	0,0262			
VII	Xã Lâu Thượng								
1	Dương Thị Xuân	Xã Lâu Thượng	269; 304	30	LUK	0,04	0,04		
2	Ngô Quốc Đình	Xã Lâu Thượng	122	40	LUK	0,03	0,03		
		Xã Lâu Thượng	163	41	LUK				
3	Nông Thị Loan	Xã Lâu Thượng	121	40	LUK	0,03	0,03		
4	Trần Việt Đức	Xã Lâu Thượng	420	30	LUK	0,02	0,02		
5	Đình Việt Hưng	Xã Lâu Thượng	548	20	LUK	0,01	0,01		
6	Hà Văn Lâm	Xã Lâu Thượng	380	32	LUK	0,01	0,01		
7	Dương Văn Hồ và bà Trần Hương Lan	Xã Lâu Thượng	115	20	LUK	0,02	0,02		
8	Bà Trần Hương Lan	Xã Lâu Thượng	113	20	LUC	0,035	0,035		
9	Hoàng Thị Nga	Xã Lâu Thượng	237	5	RSX	0,030	0,030		
10	Hoàng Sơn	Xã Lâu Thượng	186	20	LUK	0,012	0,012		
VIII	Xã Trảng Xá								
1	Đỗ Thị Bé	Xã Trảng Xá	165	16	LUK	0,02	0,02		
2	Triệu Thị Thu Trang	Xã Trảng Xá	93	100	RSX	0,04	0,04		
3	Hoàng Văn Hoàn, Đường Thị Sâm	Xã Trảng Xá	421	108	LUK	0,04	0,04		
4	Phan Văn Pầu	Xã Trảng Xá	167	105	LUK	0,02	0,02		
IX	Xã Dân Tiến								
1	Vũ Văn Chúc	Xã Dân Tiến	486	53	LUK	0,015	0,015		
2	Lê Văn Thắng	Xã Dân Tiến	485	53	LUK	0,0174	0,0174		
3	Lê Văn Cường	Xã Dân Tiến	64	53	LUK	0,0153	0,0153		
4	Lê Văn Hùng	Xã Dân Tiến	91	53	LUK	0,015	0,015		
5	Dương Minh Chiến	Xã Dân Tiến	177	62	LUC	0,01	0,01		
X	Xã Bình Long								
1	Bà Chu Thị Vương	Xã Bình Long	196	11	LUK	0,015	0,015		
2	Hộ ông Tăng Văn Khánh và bà Trần Thị Hà	Xã Bình Long	226	11	LUK	0,035	0,035		
3	Hộ ông Hà Văn Tùng	Xã Bình Long	251	18	LUK	0,02	0,02		
4	Ông Lê Quang Đông và bà Ông Thị Nhân	Xã Bình Long	249	18	LUC	0,01	0,01		
5	Ông Trần Trung Kiên	Xã Bình Long	162	28	LUK	0,014	0,014		
6	Ông Lê Văn cân và bà Phạm thị Tới	Xã Bình Long	3	37	LUK	0,01	0,01		

Số: 175 /TB-UBND

Võ Nhai, ngày 14 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 1 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai;

UBND huyện Võ Nhai thông báo công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai như sau:

1. Hồ sơ công khai

Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai (có bản photo kèm theo).

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chịu trách nhiệm đưa hồ sơ công khai lên Trang thông tin Điện tử của huyện Võ Nhai.

- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND huyện Võ Nhai trong thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 (từ ngày công khai đến hết ngày 31/12/2025).

2.2. Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện đăng tin công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai trên phương tiện truyền thông do đơn vị quản lý.

2.3. UBND các xã, thị trấn

- Công bố và niêm yết công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai tại trụ sở UBND xã, thị trấn trong kỳ kế hoạch sử dụng đất, (từ ngày công khai đến hết ngày 31/12/2025).

- Thông báo cho tổ chức, đơn vị đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ đất đai theo quy định.

- Tăng cường quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường


- Cung cấp hồ sơ, tài liệu để Văn phòng HĐND và UBND huyện công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai.

- Hướng dẫn, giải thích khi có đề nghị của các tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2.5. Việc công bố, công khai tại trụ sở UBND huyện; UBND các xã, thị trấn

Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND các xã, thị trấn phải lập biên bản niêm yết công khai theo quy định. Hồ sơ niêm yết công khai gửi về UBND huyện qua phòng Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ trước ngày 15/02/2025.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân, tầng lớp nhân dân được biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và MT tỉnh TN;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND huyện;
- UB MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử của huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH, TNMT (05 bản).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Vũ Thị Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~34~~10/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 955/TTr-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Võ Nhai với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kế hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 47,33 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 là 39,85 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 là 40,45 ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 0,13 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2025 là 56 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 47,33 ha. Trong đó:

- 20 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 39,9 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 36 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 7,43 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

6. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai

- Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

7. Hủy bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 02 năm chưa thực hiện

Hủy bỏ Kế hoạch sử dụng đất đối với 27 công trình, dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai do đã quá 02 năm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

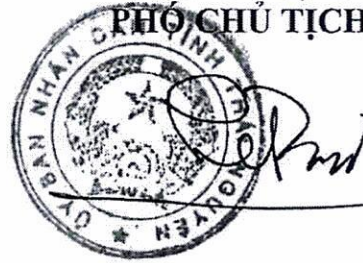
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

Anhd. T12/2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến



Phụ lục IV

Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của huyện Võ Nhai

(Kèm theo Quyết định số 3420 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
			Thị trấn Đình Cả	Xã Cúc Đường	Xã Phương Giao
	Tổng	0,13	0,03	0,0004	0,10
1	Nhóm đất nông nghiệp				
1.1	Đất trồng lúa				
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa				
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại				
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác				
1.3	Đất trồng cây lâu năm				
1.4	Đất rừng đặc dụng				
1.5	Đất rừng phòng hộ				
1.6	Đất rừng sản xuất				
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản				
1.8	Đất chăn nuôi tập trung				
1.9	Đất làm muối				
1.10	Đất nông nghiệp khác				
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	0,13	0,03	0,0004	0,10
2.1	Đất ở tại nông thôn	0,10			0,10
2.2	Đất ở tại đô thị				
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan				
2.4	Đất quốc phòng				
2.5	Đất an ninh				
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp				
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa				
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội				
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế				
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo				
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao				
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ				
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường				
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn				
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
			Thị trấn Đình Cả	Xã Cúc Đường	Xã Phương Giao
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác				
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
2.7.1	Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp				
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp				
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp				
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung				
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ				
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	0,0004		0,0004	
2.8.1	Đất công trình giao thông				
2.8.2	Đất công trình thủy lợi				
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	0,0004		0,0004	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai				
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên				
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải				
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng				
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin				
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối				
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng				
2.9	Đất tôn giáo	0,03	0,03		
2.10	Đất tín ngưỡng				
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt				
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng				
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá				
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối				
2.13	Đất phi nông nghiệp khác				



Phụ lục V

Danh mục 20 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025 của huyện Võ Nhai

(Kèm theo Quyết định số 3410 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		39,90	4,30	1,92	21,28		12,40
1	Khu dân cư số 1	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,25					0,25
2	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại xóm Tân Kim, xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	3,28			3,28		
3	Thao trường huấn luyện tổng hợp huyện Võ Nhai, hạng mục trường bắn	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	18,00			18,00		
4	Trạm y tế xã Dân Tiến (Giao đất)	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,20					0,20
5	Khu thể thao xã Tràng Xá	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	0,26	0,03				0,23
6	Khu thể thao xã Dân Tiến (Giao đất)	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,60	0,60				
7	Đất thương mại dịch vụ (hộ Vũ Đức Chờ)	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	0,05					0,05
8	Đất thương mại dịch vụ (hộ Nguyễn Minh Huy)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
9	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xóm Phương Đông (hộ Lê Đức Minh)	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,20					0,20
10	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực suối Nho - Sông Rong	Xã Liên Minh, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	9,87	0,65				9,22
11	Đường vào khu thể thao xã Lâu Thượng	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	0,43	0,23	0,12			0,08
12	Cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025 (Công trình: cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai)	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	0,10					0,10

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
13	Khai thác đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hon	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	1,10		1,10			
14	Xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 375 E6.8 với 371 E6.8 đoạn tuyến từ cột G26 xóm Đát Đò đến vị trí cột 12 nhánh rẽ TBA bệnh viện đa khoa lộ 371-E6.8	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	0,04	0,04				
15	Trùng tu, mở rộng Đình Công Chùa Xã	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,69	0,50				0,19
16	Chuyển mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Phạm Thị Hương)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,10					0,10
17	Khu thể thao xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	1,00	1,00				
18	Khu thể thao xã Phú Thượng (Giao đất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	1,10	1,10				
19	Khu thể thao cụm xã Cúc Đường (Giao đất)	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	1,50	0,15	0,70			0,65
20	Khu thể thao xã Phương Giao (Giao đất)	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,07					1,07



Phụ lục VI

Danh mục 36 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025 của huyện Võ Nhai

(Kèm theo Quyết định số 3420 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		7,43	0,88	1,95	0,52		4,09
1	Chuyển mục đích sang đất chăn nuôi hộ gia đình Lý Văn Hoàn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,09	0,09				
2	Chuyển mục đích sang đất chăn nuôi hộ gia đình Phạm Thị Hoa	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,33					0,33
3	Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai (phần mở rộng thêm)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
4	Trụ sở UBND xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,78					0,78
5	Nhà Văn hoá xóm Bàn Chang	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
6	Nhà văn hóa xóm Nà Giâm	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,02					0,02
7	Nhà văn hoá xóm Kệ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
8	Nhà văn hoá xóm Khe Rịa (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,04					0,04
9	Nhà văn hoá xóm Cao Sơn (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,09		0,09			
10	Nhà văn hoá xóm Khe Rạc (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
11	Nhà văn hoá xóm Na Cà (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,085		0,08			0,005
12	Nhà văn hoá xóm Na Đồng (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,068		0,063			0,005
13	Nhà văn hoá xóm Na Rang (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,11					0,11
14	Nhà văn hoá xóm Khe Cái (để giao đất)	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai	0,07		0,07			
15	Nhà văn hóa xóm Tân Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,08					0,08
16	Nhà văn hóa xóm Trung Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,18	0,07				0,11
17	Nhà văn hóa xóm Cao Lâm	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
18	Nhà văn hóa xóm Phú Trì	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,10	0,07				0,03
19	Nhà văn hóa xóm Đồng Mới	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,12					0,12

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
20	Nhà văn hóa xóm Lũng Luông (đề giao đất)	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,41					0,41
21	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,13		0,13			0,00
22	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chạo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,11		0,11			
23	Trường phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thần Sa (đề giao đất)	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	0,18					0,18
24	Trường Mầm non xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,29		0,29			
25	Kiên cố hoá Trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016 - 2020	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,03					0,03
26	Trường Mầm non Liên Minh, phân trường xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,11		0,02			0,09
27	Trường Mầm non Dân Tiến 2	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,07					0,07
28	Điểm Trường Mầm non Phú Thượng (xóm Ba Nhất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,02				0,08
29	Công trình phụ trợ Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hon	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,02		0,02			
30	Đường trần dân sinh trên địa bàn xã Liên Minh và xã Phương Giao	Xã Liên Minh, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,60					0,60
31	Đường giao thông xóm Nác, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đi xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,50	0,10	1,05			0,35
32	Tuyến đường giao thông xóm Ngọc Mỹ đi Khuân Nang, xã Liên Minh (giai đoạn 1 + 2)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,72	0,20		0,52		
33	Sửa chữa đường bê tông Tổ dân phố Tiễn Phong (Từ nhà ông Triệu Văn Phòng đến nhà ông Trần Văn Vị)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,04	0,03				0,01
34	Xây dựng đường trần xóm Vén, xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	0,11	0,11				
35	Chợ xã Liên Minh	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,32	0,15				0,17
36	Chợ xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,35					0,35

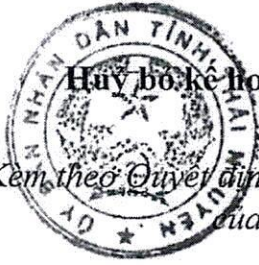
Phụ lục VII

Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai

(Kèm theo Quyết định số: 5420 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau:							
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất (ha)				STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh														
1	Khu thể thao xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,50				1,50	1	Khu thể thao xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,07				1,07



Phụ lục VIII

Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với 27 công trình, dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai

(Kèm theo Quyết định số 34/LĐ/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
	Tổng		105,58		105,58
1	Khu dân cư số 3	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	14,28		14,28
2	Khu dân cư nông thôn mới Đồng Danh, xã Tràng Xá	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	10,00		10,00
3	Khu dân cư nông thôn mới xã Phú Thượng	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	10,00		10,00
4	Trụ sở Phòng Tài chính kế hoạch huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,15		0,15
5	Trụ sở làm việc UBND xã Thượng Nung	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,27		0,27
6	Nhà văn hóa xóm Nho	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,04		0,04
7	Nhà văn hóa xóm Khuôn Đã	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,07		0,07
8	Nhà văn hóa xóm Vang	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,06		0,06
9	Cụm công nghiệp Trúc Mai	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	13,44		13,44
10	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Cây Bòng	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	2,09		2,09
11	Cụm công nghiệp Cây Bòng	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	2,49		2,49
12	Dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	5,22		5,22
13	Đầu giá Trụ sở làm việc cũ của Chi Cục Thuế huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,11		0,11
14	Khu giới thiệu và trưng bày sản phẩm địa phương (đầu giá)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10		0,10
15	Điểm du lịch sinh thái Phương Hoàng huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	1,83		1,83
16	Khu sinh thái (hộ: Phạm Thị Hợi)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,04		1,04

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMBĐ tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
17	Khu sinh thái (hộ: Trương Quang Thọ)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,67		0,67
18	Khu sinh thái (hộ: Nguyễn Văn Thu)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,12		0,12
19	Công trình phụ trợ khai thác mỏ vàng gốc, Deluvi khu vực Đèo Căng - Lũng địa chất	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	9,86		9,86
20	Mỏ đá vôi Đồng Dong	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	22,34		22,34
21	Tồn tạo di tích lịch sử và thắng cảnh hang Phượng Hoàng - Suối Mỏ Gà	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,90		0,90
22	Khu xử lý rác thải tập trung phía Nam huyện Võ Nhai	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	6,70		6,70
23	Chợ xã Thượng Nung	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,17		0,17
24	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	2,87		2,87
25	Chuyển mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Nguyễn Thành Lộc-phần mở rộng)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,40		0,40
26	Chuyển mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Lý Văn Tình)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,24		0,24
27	Chuyển mục đích sang Trang trại chăn nuôi (hộ Lý Văn Nùng)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,12		0,12

Số: 07/TB-UBND

Dân Tiến, ngày 22 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai;

Căn cứ Thông báo số 175/TB-UBND ngày 14/01/2025 của UBND huyện Võ Nhai về việc thông báo công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

UBND xã Dân Tiến thông báo niêm yết công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ công khai:

Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai. (Có bản photo kèm theo)

2. Tổ chức thực hiện:

- Địa điểm công khai: Tại trụ sở UBND xã Dân Tiến.
- Thời gian công khai: Đến hết 31/12/2025.

Trên đây là nội dung thông báo của UBND xã Dân Tiến thông báo công khai Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Võ Nhai để các tổ chức, cá nhân, các xóm biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đàm Ngọc Xuyên